

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp  
Sài Gòn và các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết  
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thông tin Công ty**

**Quyết định số** 3448/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004  
3449/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004

Các Quyết định này do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Giấy phép Kinh doanh** Số 4103002955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp 15 tháng 12 năm 2004, điều chỉnh lại ngày 13 tháng 5 năm 2005, ngày 12 tháng 12 năm 2006, ngày 13 tháng 12 năm 2006 và ngày 30 tháng 3 năm 2007, ngày 4 tháng 11 năm 2008. Ngày 15 tháng 10 năm 2009, điều chỉnh lần thứ 6, số giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh và đăng kí thuế là 0301154821.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Chủ tịch
Ông Tề Trí Dũng	Thành viên
Bà Hoàng Thị Thảo	Thành viên
Ông Lê Điền	Thành viên
Ông Nguyễn Bình Minh	Thành viên
Ông Trần Kim Thành	Thành viên
	(đến ngày 10 tháng 7 năm 2009)
Ông Võ Hiến	Thành viên
Ông Lương Quang Hiến	Thành viên
	(từ ngày 10 tháng 7 năm 2009)

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bình Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Phước Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Tuấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc

**Ban Kiểm soát**

Ông Lê Xuân Đức	Trưởng ban
Bà Nguyễn Phương Loan	Thành viên
Ông Nguyễn Phúc Hưng	Thành viên

**Trụ sở đăng ký** 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Đơn vị kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



**KPMG Limited**  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266  
Fax +84 (8) 3821 9267  
Internet www.kpmg.com.vn

## BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

### Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con (“Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo. Các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban điều hành Tập đoàn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên công việc kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có được đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá các chính sách kế toán và các ước tính trọng yếu của Ban điều hành, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quan báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã đưa ra cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh hợp lý, trên tất cả các phương diện trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp thuận rộng rãi tại Việt Nam.

**Công ty TNHH KPMG**  
Việt Nam  
Giấy chứng nhận Đầu tư số: 011043000345  
Báo cáo kiểm toán viên số: 09-01-153



Lucas Kurmawán  
Chứng chỉ kiểm toán viên số N1583/KTV  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị  
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, 18 tháng 3 năm 2010

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>521.121.849.396</b>	<b>367.076.207.609</b>
<b>Tiền và tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>161.869.131.480</b>	<b>49.130.501.895</b>
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>35.633.284.631</b>	<b>46.551.022.680</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		52.922.284.631	70.651.488.532
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(17.289.000.000)	(24.100.465.852)
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>211.516.014.380</b>	<b>187.045.077.164</b>
Phải thu thương mại	131		75.924.078.311	46.315.835.208
Trả trước cho người bán	132	6	91.349.631.557	111.873.041.485
Phải thu khác	138		45.284.562.103	30.025.474.832
Dự phòng phải thu khó đòi	139	7	(1.042.257.591)	(1.169.274.361)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>94.686.470.498</b>	<b>71.484.902.978</b>
Hàng tồn kho	141		99.346.719.662	75.639.267.407
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.660.249.164)	(4.154.364.429)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>17.416.948.407</b>	<b>12.864.702.892</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.741.079.982	1.384.913.953
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.693.133.139	1.176.481.874
Thuế phải thu ngân sách Nhà nước	154		-	103.052.330
Tài sản ngắn hạn khác	158		6.982.735.286	10.200.254.735
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>1.271.229.163.268</b>	<b>996.176.060.514</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.906.653.139</b>	<b>17.081.269.503</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>405.096.824.068</b>	<b>337.423.863.671</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	39.564.151.684	20.541.321.711
Nguyên giá	222		62.599.137.759	45.230.491.425
Khấu hao lũy kế	223		(23.034.986.075)	(24.689.169.714)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	10	2.663.406.747	-
Nguyên giá	225		2.663.406.747	-
Khấu hao lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	11	48.163.896.768	49.448.819.760
Nguyên giá	228		51.815.314.940	51.800.519.660
Phân bổ lũy kế	229		(3.651.418.172)	(2.351.699.900)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	12	314.705.368.869	267.433.722.200
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>13</b>	<b>97.802.040.681</b>	<b>38.521.026.609</b>
Nguyên giá	241		113.259.450.328	50.825.805.393
Khấu hao lũy kế	242		(15.457.409.647)	(12.304.778.784)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	<b>698.266.809.107</b>	<b>562.862.187.939</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252		237.921.906.002	223.894.353.641
Đầu tư dài hạn khác	258		523.140.161.479	439.563.908.715
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(62.795.258.374)	(100.596.074.417)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>64.156.836.273</b>	<b>40.287.712.792</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	26.946.046.843	19.617.798.427
Tài sản thuế hoãn lại	262	29	11.283.541.959	13.218.838.894
Ký quỹ dài hạn	268		25.927.247.471	7.451.075.471
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.792.351.012.664</b>	<b>1.363.252.268.123</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>972.229.675.204</b>	<b>797.183.245.668</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>353.687.820.855</b>	<b>317.889.953.349</b>
Vay ngắn hạn	311	16	134.764.632.245	128.168.304.260
Phải trả thương mại	312		24.797.707.780	41.829.700.166
Khách hàng tạm ứng	313		35.641.166.672	11.824.971.114
Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước	314	17	30.333.507.769	21.239.068.472
Phải trả cho nhân viên	315		41.092.582.637	33.384.760.193
Chi phí trích trước	316	18	11.857.632.695	10.629.582.306
Phải trả khác	319		75.200.591.057	70.813.566.838
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>618.541.854.349</b>	<b>479.293.292.319</b>
Nợ dài hạn khác	333	19	236.173.096.951	139.152.777.192
Vay và nợ dài hạn	334	20	379.936.670.733	338.351.335.879
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		2.432.086.665	1.789.179.248
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>713.819.499.018</b>	<b>486.602.595.830</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>705.475.235.184</b>	<b>479.212.219.009</b>
Vốn cổ phần	411	21	249.955.730.000	203.610.400.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	21	317.064.858.303	180.876.300.000
Cổ phiếu ngân quỹ	413	21	(16.000)	(3.544.746.277)
Chênh lệch tỷ giá	416		2.590.491.459	650.345.638
Quỹ đầu tư và phát triển	417		18.409.006.477	16.193.469.287
Quỹ dự phòng tài chính	418		8.193.091.918	6.602.007.981
Lợi nhuận chưa phân phối	419		109.262.073.027	74.824.442.380
<b>Nguồn kinh phí sự nghiệp và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>8.344.263.834</b>	<b>7.390.376.821</b>
Quỹ khen thưởng phúc lợi	431		8.344.263.834	7.390.376.821
<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>22</b>	<b>106.301.838.442</b>	<b>79.466.426.625</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.792.351.012.664</b>	<b>1.363.252.268.123</b>

Người lập:

  
 Hoàng Thị Thảo  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
 Nguyễn Vinh Thọ  
 Tổng Giám đốc



18 tháng 3 năm 2010

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng**  
**12 năm 2009**

	Mã số	Thuyết minh	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Tổng doanh thu	01	23	3.093.441.601.012	2.120.656.466.797
Các khoản giảm trừ	03		(14.412.563.909)	(3.033.181.060)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	<b>23</b>	<b>3.079.029.037.103</b>	<b>2.117.623.285.737</b>
Giá vốn hàng bán	11	24	(2.822.262.975.732)	(1.945.126.877.894)
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>256.766.061.371</b>	<b>172.496.407.843</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	27.798.512.404	77.487.561.998
Chi phí hoạt động tài chính	22	26	(25.936.699.342)	(202.501.817.096)
Chi phí bán hàng	24		(72.186.837.003)	(61.719.379.982)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(78.616.179.737)	(49.130.543.469)
<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>107.824.857.693</b>	<b>(63.367.770.706)</b>
Thu nhập từ đầu tư vào các công ty liên kết		14	14.190.492.809	10.666.133.785
<b>Kết quả các hoạt động khác</b>	<b>40</b>			
Thu nhập khác	31	27	15.006.832.758	120.415.490.010
Chi phí khác	32	28	(11.372.621.708)	(5.847.989.273)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>125.649.561.552</b>	<b>61.865.863.816</b>
Thuế thu nhập hiện hành	51	29	(23.840.083.598)	(21.143.222.547)
(Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	52	29	(1.935.296.935)	14.569.834.831
<b>Lợi nhuận thuần</b>			<b>99.874.181.019</b>	<b>55.292.476.100</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng**  
**12 năm 2009 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Lợi nhuận thuần			99.874.181.019	55.292.476.100
<b>Trong đó:</b>				
Lợi nhuận thuộc các cổ đông thiểu số	61	22	27.988.729.031	15.339.311.289
Lợi nhuận thuộc các cổ đông của Công ty	62		71.885.451.988	39.953.164.811
Lợi nhuận thuần sau thuế	60		99.874.181.019	55.292.476.100
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	3.425	2.236

Người lập:



Hoàng Thị Thảo  
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Vĩnh Thọ  
Tổng Giám đốc

18 tháng 3 năm 2010



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu ngần quỹ VNĐ	Chênh lệch tỷ giá VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Quỹ khen thưởng phúc lợi VNĐ	Tổng VNĐ
<b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2008</b>	148.734.100.000	120.000.000.000	(2.801.612.500)	-	12.098.543.923	3.371.905.229	73.616.520.522	3.420.192.621	358.439.649.795
Phát hành cổ phiếu	54.876.300.000	60.876.300.000	-	-	-	-	-	-	115.752.600.000
Mua lại cổ phiếu	-	-	(743.133.777)	-	-	-	-	-	(743.133.777)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	39.953.164.811	-	39.953.164.811
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	650.345.638	-	-	-	-	650.345.638
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	-	4.094.925.364	3.230.102.752	(13.693.719.537)	6.368.691.421	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(21.810.925.500)	-	(21.810.925.500)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(1.619.088.844)	-	(1.619.088.844)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(320.836.973)	-	(320.836.973)
Giảm giá trị đầu tư trong công ty liên kết do loãng vốn	-	-	-	-	-	-	(1.300.672.099)	-	(1.300.672.099)
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(2.398.507.221)	(2.398.507.221)
<b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009</b>	203.610.400.000	180.876.300.000	(3.544.746.277)	650.345.638	16.193.469.287	6.602.007.981	74.824.442.380	7.390.376.821	486.602.595.830

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu ngân quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Quỹ khen thưởng phúc lợi VND	Tổng VND
<b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009</b>	203.610.400.000	180.876.300.000	(3.544.746.277)	650.345.638	16.193.469.287	6.602.007.981	74.824.442.380	7.390.376.821	486.602.595.830
Phát hành cổ phiếu	46.345.330.000	131.090.336.580	-	-	-	-	-	-	177.435.666.580
Phát hành cổ phiếu ngân quỹ	-	5.098.221.723	3.544.730.277	-	-	-	-	-	8.642.952.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	71.885.451.988	-	71.885.451.988
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(1.411.458.593)	-	-	-	-	(1.411.458.593)
Chênh lệch tỷ giá do góp vốn trong công ty liên kết	-	-	-	3.351.604.414	-	-	(8.301.916.594)	4.495.295.467	3.351.604.414
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	-	2.215.537.190	1.591.083.937	(28.609.769.200)	-	(28.609.769.200)
Cổ tức (Thuyết minh số 31)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(536.135.547)	-	(536.135.547)
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(3.541.408.454)	(3.541.408.454)
<b>Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009</b>	249.955.730.000	317.064.858.303	(16.000)	2.590.491.459	18.409.006.477	8.193.091.918	109.262.073.027	8.344.263.834	713.819.499.018

Người lập:



Hoàng Thị Thảo  
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Nguyễn Vinh Thọ  
Tổng Giám đốc

18 tháng 3 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**

	Mã số	Thuyết minh	2009 VNĐ	2008 VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>125.649.561.552</b>	<b>61.865.863.816</b>
<b>Điều chỉnh cho</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		9.365.982.781	9.091.544.733
Dự phòng	03		(43.853.346.424)	121.061.987.579
Lỗ/(lãi) từ thanh lý tài sản			7.763.036.121	(23.288.164.499)
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán			26.653.476.621	6.762.693.337
Thu nhập từ thanh lý đầu tư			-	(11.952.379.601)
Xóa sổ tài sản cố định	05		328.402.038	3.398.608.732
Chi phí lãi vay	06		33.031.246.098	63.319.911.776
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức			(17.146.814.273)	(54.963.977.397)
Thu nhập từ các công ty liên kết			(14.190.492.809)	(10.666.133.785)
Lãi do bán khoản đầu tư công ty liên kết			-	(6.715.939.197)
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư			-	(100.759.620.000)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>127.601.051.705</b>	<b>57.154.395.494</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(76.567.070.494)	5.433.620.802
Biến động hàng tồn kho	10		(23.833.619.353)	(11.188.493.344)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		108.610.360.710	13.812.743.697
Biến động chi phí trả trước dài hạn	12		(7.328.248.416)	(18.396.714.346)
			<b>128.482.474.152</b>	<b>46.815.552.303</b>
Lãi vay đã trả	13		(36.125.781.667)	(64.485.471.855)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(13.206.386.195)	(11.506.196.947)
Chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(4.929.429.589)	(4.596.142.339)
<b>Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>74.220.876.701</b>	<b>(33.772.258.838)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**  
**(tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	2009 VNĐ	2008 VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(105.581.494.870)	(197.219.596.943)
Thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		3.948.954.697	39.740.725.364
Thu từ thanh lý đầu tư vào công ty liên kết			-	13.177.500.794
Tiền thu kinh doanh chứng khoán			5.478.152.130	9.514.042.332
Chi đầu tư dài hạn khác	25		(97.815.737.166)	-
Thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		17.146.814.273	31.350.499.379
Thu đầu tư vào các công ty khác			-	35.801.393.390
Chi tài sản dài hạn khác			-	(11.237.295.000)
<b>Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(176.823.310.936)</b>	<b>(78.872.730.684)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Thu từ phát hành cổ phiếu	31		177.435.666.580	115.752.600.000
Phát hành/(mua lại) cổ phiếu ngân quỹ	32		8.642.952.000	(743.133.777)
Thu từ các khoản vay	33		775.914.334.080	1.051.393.648.875
Thanh toán nợ	34		(730.396.077.988)	(1.096.523.451.913)
Thu từ vốn phát hành bởi công ty con cho cổ đông thiểu số			5.845.950.000	26.720.880.000
Trả cổ tức cho cổ đông của Công ty			(16.655.539.000)	(21.442.348.500)
Trả cổ tức cho cổ đông thiểu số của công ty con			(5.446.221.852)	(7.986.948.355)
<b>Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>215.341.063.820</b>	<b>67.171.246.330</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>112.738.629.585</b>	<b>(45.473.743.192)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>49.130.501.895</b>	<b>94.604.245.087</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>161.869.131.480</b>	<b>49.130.501.895</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**  
**(tiếp theo)**

<b>CÁC GIAO DỊCH ĐẦU TƯ PHI TIỀN TỆ</b>	<b>2009 VNĐ</b>	<b>2008 VNĐ</b>
Đầu tư vào công ty liên kết bằng tài sản	-	164.043.000.000
Giá trị tài sản cố định mua bởi Tập đoàn bằng thuê tài chính	2.663.406.747	-
	<hr/>	

Người lập:  Người duyệt: 



Hoàng Thị Thảo  
Kế toán trưởng

Nguyễn Vinh Thọ  
Tổng Giám đốc

18 tháng 3 năm 2010

## **Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### **1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày. Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ - Thương mại: Tổ chức hệ thống kinh doanh, phân phối, sửa chữa, bảo trì theo tiêu chuẩn quốc tế về ô tô, xe gắn máy và linh kiện phụ tùng các loại, với các nhãn hiệu ô tô như Toyota, Ford, GM-Daewoo, Suzuki, Hyundai và các nhãn hiệu xe gắn máy SYM, Suzuki, Yamaha; cung cấp đa dạng các loại hình dịch vụ theo tiêu chuẩn quốc tế bên cạnh việc phát triển các hoạt động kinh doanh dịch vụ taxi, tổ chức hệ thống máy bán lẻ tự động;
- Dịch vụ bất động sản: Đầu tư, hợp tác, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại, căn hộ, khu biệt thự, khu du lịch, khu nghỉ dưỡng cao cấp;
- Dịch vụ tài chính: Đầu tư vốn vào những lĩnh vực, ngành nghề phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty như: Dịch vụ - thương mại, bất động sản, đầu tư hạ tầng kỹ thuật, tài chính, ngân hàng, bưu chính viễn thông.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 1 tháng 6 năm 2009.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 Tập đoàn có 838 nhân viên (2008: 765 nhân viên).

### **2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### **(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính hợp nhất này trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam, và được lập trên cơ sở giá gốc.

Các chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng một cách nhất quán.

Các báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

#### **(b) Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm**  
**2009 (tiếp theo)**

**(c) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Các công ty con**

Các công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của một công ty con để thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của công ty con đó. Khi đánh giá kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng đang có hiệu lực. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

**(ii) Các công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho tới ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ trong tương lai đó thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Số dư của giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ ở mức lợi ích của Tập đoàn trong công ty đó. Lỗ chưa thực hiện được loại trừ cũng như lợi nhuận chưa thực hiện, nhưng chỉ khi không có bằng chứng về việc giảm giá tài sản.

**(iv) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phản ánh giá phí đầu tư vượt quá giá trị của tài sản thuần thuộc phần của Tập đoàn trên tổng tài sản thuần của các công ty con và công ty liên kết tại thời điểm mua. Lợi thế thương mại, nếu không trọng yếu, được xóa sổ ngay khi phát sinh.

Nếu giá trị thực tế tài sản thuần Tập đoàn mua của các công ty con và công ty liên kết vượt quá giá mua, thì phần vượt trội này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm**  
**2009 (tiếp theo)**

**(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái qui định của ngày giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá chưa và đã thực hiện được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của đơn vị thì được hạch toán vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi đơn vị bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng. Khi đơn vị bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng, các chênh lệch tỷ giá đã thực hiện có liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu Chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm. Chính sách này phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“VAS 10”) – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá. Thông tư này yêu cầu các chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá thuộc nguồn vốn chủ sở hữu; và các chênh lệch tỷ giá này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu kỳ sau. Tập đoàn lựa chọn tiếp tục áp dụng VAS 10 để ghi nhận chênh lệch tỷ giá.

**(e) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

**(f) Kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn**

**(i) Phân loại**

Tập đoàn phân loại đầu tư vào chứng khoán đã niêm yết và chưa niêm yết là đầu tư ngắn hạn hoặc dài hạn tùy theo dự định và chiến lược đầu tư của Tập đoàn với những công ty là đối tượng đầu tư.

**(ii) Ghi nhận**

Tập đoàn ghi nhận kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn tại ngày ký kết các điều khoản của hợp đồng đầu tư (hạch toán theo ngày giao dịch).

**(iii) Xác định giá trị**

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được thể hiện bằng nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Nguyên giá của chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền.



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm**  
**2009 (tiếp theo)**

**(iv) Giảm giá**

Dự phòng giảm giá chứng khoán đã niêm yết được lập dựa trên quy định hiện hành do Bộ Tài chính ban hành. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(v) Chấm dứt ghi nhận**

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được chấm dứt ghi nhận khi quyền lợi và các luồng tiền từ khoản nhận đầu tư đã hết hoặc Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu.

**(g) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện theo nguyên giá trừ dự phòng phải thu khó đòi.

**(h) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với hàng hóa và bình quân gia quyền đối với các khoản mục khác và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(i) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm**  
**2009 (tiếp theo)**

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 42 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 8 năm
▪ thiết bị văn phòng và thiết bị khác	2 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 6 năm
▪ khác	3 – 5 năm

**(j) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 2(i).

**(k) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Phân bổ được tính theo phương pháp đường thẳng từ 20 đến 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 4 năm.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm**  
**2009 (tiếp theo)**

**(l) Bất động sản đầu tư**

**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và bất kỳ chi phí phân bổ trực tiếp liên quan đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động hiện tại cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư từ 6 đến 22 năm.

**(m) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí trước hoạt động**

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

**(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 8 năm.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ sử dụng hơn một năm được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ từ 2 đến 3 năm.

**(n) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không trích khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

**(o) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm**  
**2009 (tiếp theo)**

**(p) Dự phòng**

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy và tương đối chắc chắn rằng Tập đoàn phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo lãi suất trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

**(q) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực được.

**(r) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

**(s) Doanh thu**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(ii) Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm**  
**2009 (tiếp theo)**

**(iii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iv) Thu nhập cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là khoản thu nhập khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(v) Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán**

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển sang cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**(t) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(u) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong kỳ sẽ được vốn hoá vào nguyên giá các tài sản cố định này.

**(v) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm.

**(w) Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là một phần riêng biệt của Tập đoàn, cung cấp các sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hàng hóa hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế đặc trưng (khu vực địa lý), trong đó các rủi ro và kết quả thu được khác với các bộ phận khác. Bộ phận chính yếu của Tập đoàn là bộ phận kinh doanh. Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam, là một khu vực địa lý duy nhất.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm**  
**2009 (tiếp theo)**

**(x) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

**(y) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính đó.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

**3. Báo cáo bộ phận**

	Dịch vụ thương mại		Dịch vụ bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng	
	2009 VND	2008 VND	2009 VND	2008 VND	2009 VND	2008 VND	2009 VND	2008 VND
Doanh thu khách hàng bên ngoài	2.969.203.787.953	2.067.024.044.994	127.304.310.603	85.057.198.018	24.509.943.760	53.695.738.508	3.121.018.042.316	2.205.776.981.520
Chi phí trực tiếp của bộ phận	(2.904.425.904.000)	(2.028.954.380.708)	(89.509.699.282)	(75.221.418.023)	(5.067.088.532)	(154.302.819.711)	(2.999.002.691.814)	(2.258.478.618.441)
Lợi nhuận bộ phận kinh doanh	64.777.883.953	38.069.664.286	37.794.611.321	9.835.779.995	19.442.855.228	(100.607.081.203)	122.015.350.502	(52.701.636.921)
Doanh thu không phân bổ							15.006.832.759	120.415.490.010
Chi phí không phân bổ							(11.372.621.708)	(5.847.989.272)
							125.649.561.552	61.865.863.817

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

	Dịch vụ thương mại		Dịch vụ bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
<b>Tài sản</b>								
Tài sản ngắn hạn	399.157.077.095	198.258.143.482	73.369.186.230	110.407.093.947	37.312.044.112	45.510.970.180	509.838.307.437	354.176.207.609
Tài sản dài hạn	406.301.583.172	328.782.406.714	619.639.805.908	459.944.884.242	244.711.779.800	207.448.769.558	1.270.653.168.880	996.176.060.514
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	11.283.541.959	12.900.000.000
	805.458.660.267	527.040.550.196	693.008.992.138	570.351.978.189	282.023.823.912	252.959.739.738	1.791.775.018.276	1.363.252.268.123
<b>Nợ phải trả</b>								
Nợ ngắn hạn	258.969.874.570	194.691.628.547	81.845.009.085	103.211.765.070	12.872.937.200	19.986.559.732	353.687.820.855	317.889.953.349
Nợ dài hạn	206.034.310.020	76.174.545.585	360.230.932.613	299.662.333.005	52.276.611.716	103.456.413.729	618.541.854.349	479.293.292.319
	465.004.184.590	514.701.302.978	442.075.941.698	402.874.098.075	65.149.548.916	123.442.973.461	972.229.675.204	797.183.245.668
<b>Khấu hao và phân bổ</b>	5.049.199.489	5.049.925.899	4.139.694.808	4.041.618.834	177.088.484	-	9.365.982.781	9.091.544.733
<b>Dự phòng</b>	(40.258.676.259)	4.462.429.671	(2.442.681.389)	-	-	116.599.557.908	(43.853.346.424)	121.061.987.579
<b>Mua tài sản cố định</b>	79.933.137.250	4.462.343.432	32.976.606.036	193.407.599.149	-	-	112.909.743.286	197.869.942.581



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm**  
**2009 (tiếp theo)**

**4. Tiền và tương đương tiền**

	<b>31/12/2009</b>	<b>31/12/2008</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Tiền mặt tại quỹ	3.222.446.566	3.806.935.102
Tiền gửi ngân hàng	91.146.684.914	40.323.566.793
Tương đương tiền	67.500.000.000	5.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	<b>161.869.131.480</b>	<b>49.130.501.895</b>
	<hr/>	<hr/>

**5. Đầu tư ngắn hạn**

Đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản đầu tư vào chứng khoán kinh doanh.

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	<b>2009</b>	<b>2008</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Số dư đầu năm	24.100.465.852	2.110.850.000
Tăng dự phòng trong năm	-	21.989.615.852
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(6.811.465.852)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	<b>17.289.000.000</b>	<b>24.100.465.852</b>
	<hr/>	<hr/>

Trong khoản đầu tư ngắn hạn có đầu tư vào cổ phiếu chưa được niêm yết hoặc được giao dịch phổ biến trên thị trường với giá trị ghi sổ 28.204 triệu VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (31/12/2008: 6.196 triệu VNĐ).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 khoản đầu tư ngắn hạn với mệnh giá là 7.800 triệu VNĐ (31/12/2008: 39.009 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**6. Trả trước cho người bán**

Trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm giá trị trả trước để mua nhà cửa và cho công trình xây dựng là 48.030 triệu VNĐ (31/12/2008: 100.760 triệu VNĐ).

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm**  
**2009 (tiếp theo)**

**7. Dự phòng phải thu khó đòi**

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>2008</b> <b>VNĐ</b>
Số dư đầu năm	1.169.274.361	3.085.756.536
Tăng dự phòng trong năm	126.883.638	50.000.000
Sử dụng dự phòng trong năm	(253.900.408)	(1.966.482.175)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.042.257.591	1.169.274.361
	<hr/>	<hr/>

**8. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2008</b> <b>VNĐ</b>
Hàng mua đang đi đường	1.920.476.190	-
Vật tư và phụ tùng thay thế	4.229.837.343	2.890.474.315
Hàng hóa	93.196.406.129	72.748.793.092
	<hr/>	<hr/>
	99.346.719.662	75.639.267.407
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.660.249.164)	(4.154.364.429)
	<hr/>	<hr/>
	94.686.470.498	71.484.902.978
	<hr/>	<hr/>

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>2008</b> <b>VNĐ</b>
Số dư đầu năm	4.154.364.429	2.229.823.262
Tăng dự phòng trong năm	632.051.833	1.924.541.167
Sử dụng dự phòng trong năm	(126.167.098)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	4.660.249.164	4.154.364.429
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 6.440 triệu VNĐ (31/12/2008: 14.025 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư đầu năm	15.983.426.340	18.295.326.561	3.860.527.324	6.717.610.770	373.600.430	45.230.491.425
Tăng trong năm	19.776.791.989	4.842.679.799	1.428.501.869	6.801.892.450	-	32.849.866.107
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.542.311.188	-	-	-	-	1.542.311.188
Thanh lý	(105.789.054)	(13.087.008.839)	(545.454.540)	(2.879.084.896)	-	(16.617.337.329)
Xóa sổ	-	-	(191.674.205)	(214.519.427)	-	(406.193.632)
Số dư cuối năm	37.196.740.463	10.050.997.521	4.551.900.448	10.425.898.897	373.600.430	62.599.137.759
<b>Khấu hao lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	10.499.050.000	8.276.920.905	2.102.882.803	3.471.231.100	339.084.906	24.689.169.714
Khấu hao trong năm	1.258.363.466	1.690.531.981	617.543.086	1.312.679.589	34.515.524	4.913.633.646
Thanh lý	(105.789.054)	(4.817.349.265)	-	(1.433.185.292)	-	(6.356.323.611)
Xóa sổ	-	-	(190.054.831)	(21.438.843)	-	(211.493.674)
Số dư cuối năm	11.651.624.412	5.150.103.621	2.530.371.058	3.329.286.554	373.600.430	23.034.986.075
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư cuối năm	25.545.116.051	4.900.893.900	2.021.529.390	7.096.612.343	-	39.564.151.684
Số dư đầu năm	5.484.376.340	10.104.244.036	1.757.644.521	3.160.541.290	34.515.524	20.541.321.711

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản nguyên giá là 14.398 triệu VNĐ được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 (31/12/2008: 5.555 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 2.287 triệu VNĐ (2008: 1.838 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm**  
**2009 (tiếp theo)**

**10. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Thiết bị văn phòng VNĐ</b>
Nguyên giá và giá trị còn lại	
Tăng trong năm và số dư cuối năm	2.663.406.747

Vào ngày kết thúc hợp đồng thuê Tập đoàn có quyền chọn mua thiết bị với giá ưu đãi. Các thiết bị thuê đảm bảo nghĩa vụ thuê.

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn VNĐ</b>	<b>Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định VNĐ</b>	<b>Phần mềm vi tính VNĐ</b>	<b>Tổng VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	14.634.054.300	36.537.848.610	628.616.750	51.800.519.660
Tăng trong năm	-		66.004.700	66.004.700
Xóa sổ	-	(51.209.420)	-	(51.209.420)
Số dư cuối năm	14.634.054.300	36.486.639.190	694.621.450	51.815.314.940
<b>Phân bổ lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	-	2.295.048.022	56.651.878	2.351.699.900
Phân bổ trong năm	-	1.143.911.958	155.806.314	1.299.718.272
Số dư cuối năm	-	3.438.959.980	212.458.192	3.651.418.172
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư cuối năm	14.634.054.300	33.047.679.210	482.163.262	48.163.896.768
Số dư đầu năm	14.634.054.300	34.242.800.588	571.964.872	49.448.819.760

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 45.739 triệu VNĐ (31/12/2008: 46.699 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm**  
**2009 (tiếp theo)**

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>2008</b> <b>VNĐ</b>
Số dư đầu năm	267.433.722.200	128.243.343.505
Tăng trong năm	56.292.835.400	172.928.816.857
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(5.882.581.928)	(32.758.995.141)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.542.311.188)	-
Chuyển sang đầu tư dài hạn	(818.300.400)	-
Xóa sổ	(82.492.660)	(979.443.021)
Thanh lý	(695.485.207)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	314.705.368.869	267.433.722.200

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 161.013 triệu VNĐ (31/12/2008: 132.999 triệu VNĐ) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 17.979 triệu VNĐ (2008: 23.738 triệu VNĐ).

**13. Bất động sản đầu tư**

	<b>Quyền sử dụng đất</b> <b>VNĐ</b>	<b>Nhà cửa</b> <b>VNĐ</b>	<b>Tổng</b> <b>VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	-	50.825.805.393	50.825.805.393
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	462.106.962	5.420.474.966	5.882.581.928
Chuyển từ trả trước cho người bán	57.306.554.900	-	57.306.554.900
Thanh lý	(462.106.962)	(293.384.931)	(755.491.893)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	57.306.554.900	55.952.895.428	113.259.450.328
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	12.304.778.784	12.304.778.784
Khấu hao trong năm	-	3.152.630.863	3.152.630.863
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	-	15.457.409.647	15.457.409.647
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư cuối năm	57.306.554.900	40.495.485.781	97.802.040.681
Số dư đầu năm	-	38.521.026.609	38.521.026.609

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn bao gồm các bất động sản cho thuê tạo thu nhập.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm**  
**2009 (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tập đoàn không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Trong bất động sản đầu tư có tài sản với nguyên giá 4.893 triệu VNĐ được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 (31/12/2008: 4.893 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, bất động sản đầu tư với giá trị ghi sổ là 83.487 triệu VNĐ (31/12/2008: 23.150 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**14. Đầu tư dài hạn**

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Đầu tư dài hạn vào công ty liên kết	237.921.906.002	223.894.353.641
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn	-	1.000.000.000
Trái phiếu kho bạc dài hạn	150.000.000	150.000.000
Đầu tư dài hạn khác	522.990.161.479	438.413.908.715
	<hr/>	<hr/>
	761.062.067.481	663.458.262.356
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(62.795.258.374)	(100.596.074.417)
	<hr/>	<hr/>
	698.266.809.107	562.862.187.939

Biến động giá trị đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Số dư đầu năm	223.894.353.641	63.531.680.896
Đầu tư mới	-	166.443.000.000
Loại bỏ lỗ chưa thực hiện	124.342.320	248.684.638
Thu nhập từ lợi nhuận thuần của công ty liên kết	14.190.492.809	10.666.133.785
Thanh lý đầu tư vào các công ty liên kết	-	(6.461.561.597)
Cổ tức từ công ty liên kết	(3.638.887.232)	(9.232.911.982)
Giảm giá trị đầu tư trong công ty liên kết do lỗ/vốn	-	(1.300.672.099)
Chênh lệch tỷ giá do góp vốn trong công ty liên kết	3.351.604.414	-
	<hr/>	<hr/>
	237.921.906.002	223.894.353.641

Trong đầu tư dài hạn khác có đầu tư vào cổ phiếu chưa được niêm yết hay giao dịch phổ biến trên thị trường với giá trị ghi sổ 294.721.932.590 VNĐ; giá thị trường của các cổ phiếu này chưa được định giá chắc chắn và chưa có thông tin tin cậy để xem xét về việc giảm giá cổ phiếu; do đó, khoản đầu tư vào các cổ phiếu này được thể hiện theo nguyên giá.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm**  
**2009 (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 đầu tư vào công ty liên kết với mệnh giá là 13.713 triệu VNĐ và đầu tư dài hạn khác với nguyên giá 60.730 triệu VNĐ (31/12/2008: 16.799 triệu VNĐ và 168.628 triệu VNĐ) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	<b>2009</b> <b>VND</b>	<b>2008</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	100.596.074.417	1.481.761.682
Tăng dự phòng trong năm	-	99.114.312.735
Hoàn nhập	(37.800.816.043)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>62.795.258.374</b>	<b>100.596.074.417</b>

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

<b>Tên</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Giấy phép Đầu tư</b>	<b>% Quyền sở hữu</b>	<b>31/12/2009 VNĐ</b>	<b>31/12/2008 VNĐ</b>
Công ty TNHH Siêu xe	Chuyên cung cấp phụ tùng, phụ kiện, trang trí nội thất xe ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 4103008825 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Minh cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007 và được điều chỉnh ngày 6 tháng 3 năm 2008.	37,5%	1.293.252.613	1.860.931.380
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành – Savico (SYM)	Chuyên cung cấp xe gắn máy thương hiệu SYM. Mua bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì, sửa chữa xe gắn máy.	Giấy phép Kinh doanh số 4102036521 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 1 năm 2006.	37,33%	1.851.170.058	1.635.734.827
Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)	Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu FORD. Mua bán và cung cấp phụ tùng thiết bị ô tô, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 044937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng cấp ngày 16 tháng 6 năm 1998 và điều chỉnh ngày 25 tháng 6 năm 2007.	40,27%	5.668.065.506	4.669.355.554
Công ty Taxi Comfort Delgro Savico Taxi	Điều hành dịch vụ vận tải bằng taxi và các dịch vụ khác có liên quan tại Việt Nam.	Giấy phép Kinh doanh số 824/GP-HCM do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 3 năm 2005.	40,19%	23.708.149.910	22.206.922.691

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm**  
**2009 (tiếp theo)**

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Đầu tư	% Quyền sở hữu	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn (SSC)	Công trình xây dựng dân dụng, các dự án công nghiệp; cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và giải trí.	Giấy phép Kinh doanh số 4102003457 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 1 năm 2001.	49%	1.831.887.896	1.830.137.405
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu TOYOTA Mua bán và cung cấp phụ tùng thiết bị ô tô, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 4103001903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 11 năm 2003, được điều chỉnh ngày 14 tháng 7 năm 2005, ngày 14 tháng 11 năm 2007.	35,16%	41.673.458.611	27.648.271.784
Công ty TNHH Savico -Vinaland	Xây dựng và quản lý trung tâm thương mại, cung cấp thuê văn phòng và các dịch vụ liên quan.	Giấy phép Đầu tư số 411022000214 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 10 năm 2008.	49,50%	161.895.921.408	164.043.000.000
				237.921.906.002	223.894.353.641

**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Chi phí đất trả trước (*)	16.125.432.980	18.500.496.262
Công cụ và dụng cụ	5.824.655.699	-
Chi phí trước hoạt động	4.199.160.437	-
Chi phí khác	746.797.727	1.117.302.165
	26.946.046.843	19.617.798.427

(\*) Là khoản thuê đất trả trước 8 năm và được phân bổ trong vòng 8 năm.



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm**  
**2009 (tiếp theo)**

**16. Vay ngắn hạn**

	<b>31/12/2009</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2008</b> <b>VND</b>
Vay bằng Đô la Mỹ	10.300.000.000	600.000.000
Vay bằng VNĐ	87.238.862.045	93.140.455.060
	<hr/>	<hr/>
	97.538.862.045	93.740.455.060
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 19)	37.225.770.200	34.427.849.200
	<hr/>	<hr/>
	134.764.632.245	128.168.304.260
	<hr/>	<hr/>

Trong vay ngắn hạn có 39.540.156.000 VNĐ vay không đảm bảo (31/12/2008: 12.391.000.000 VNĐ) và 57.998.706.045 VNĐ đảm bảo bằng tài sản (31/12/2008: 81.349.455.060 VNĐ) có giá trị ghi sổ là 75.586 triệu VNĐ (31/12/2008: 221.662 triệu VNĐ).

Vay ngắn hạn chịu lãi suất trong khoảng từ 3,6% đến 12,75% (2008: 3,6% đến 19,5%) một năm.

**17. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	<b>31/12/2009</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2008</b> <b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	3.850.749.035	2.880.851.299
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.457.520.023	13.823.822.620
Thuế khác	2.025.238.711	4.534.394.553
	<hr/>	<hr/>
	30.333.507.769	21.239.068.472
	<hr/>	<hr/>

**18. Chi phí trích trước**

	<b>31/12/2009</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2008</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	1.078.264.776	4.172.800.345
Chi phí thuê	2.662.852.652	995.950.831
Phí kiểm toán	1.045.376.182	824.255.842
Chi phí lương và các chi phí liên quan	1.099.162.755	1.621.974.403
Các chi phí khác	5.971.976.330	3.014.600.885
	<hr/>	<hr/>
	11.857.632.695	10.629.582.306
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm**  
**2009 (tiếp theo)**

**19. Nợ dài hạn khác**

	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2008</b> <b>VNĐ</b>
Doanh thu nhận trước	145.952.506.418	98.764.380.000
Ký quỹ dài hạn nhận được	10.011.121.947	12.335.453.066
Phải trả dài hạn khác	80.209.468.586	28.052.944.126
	<hr/>	
	236.173.096.951	139.152.777.192
	<hr/>	

**20. Vay và nợ dài hạn**

	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2008</b> <b>VNĐ</b>
Vay bằng Đô la Mỹ	82.224.660.795	13.600.000.000
Vay bằng VNĐ	332.683.203.954	359.179.185.079
	<hr/>	
	414.907.864.749	372.779.185.079
Nợ thuê tài chính (*)	2.254.576.184	-
	<hr/>	
	417.162.440.933	372.779.185.079
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(37.225.770.200)	(34.427.849.200)
	<hr/>	
Hoàn trả sau 12 tháng	379.936.670.733	338.351.335.879
	<hr/>	

Trong vay dài hạn có 49.537.878.075 VNĐ vay không đảm bảo (31/12/2008: 63.000.000.000 VNĐ) và 365.369.986.674 VNĐ vay có đảm bảo (31/12/2008: 309.779.185.079 VNĐ) bằng tài sản có giá trị ghi sổ là 305.624 triệu VNĐ (31/12/2008: 284.292 triệu VNĐ).

Vay dài hạn chịu lãi suất trong khoảng từ 10,5% đến 14,1% (2008: 11,34% đến 18%) một năm.

Thời hạn thanh toán của các khoản vay dài hạn như sau:

	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>2008</b> <b>VNĐ</b>
Trong vòng một năm	37.225.770.200	34.427.849.200
Từ hai đến năm năm	282.445.319.255	251.244.814.000
Sau năm năm	95.236.775.294	87.106.521.879
	<hr/>	
	414.907.864.749	372.779.185.079
	<hr/>	

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm**  
**2009 (tiếp theo)**

(\*) Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê tài chính không được hủy ngang như sau:

	31/12/2009 VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi	Trả nợ gốc
Trong vòng một năm	690.581.300	360.004.100	330.577.200
Từ hai đến năm năm	2.595.161.384	671.162.400	1.923.998.984
	3.285.742.684	1.031.166.500	2.254.576.184

**21. Vốn cổ phần**

	31/12/2009		31/12/2008	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Cổ phiếu phổ thông được phép lưu hành	24.995.573	249.955.730.000	20.361.040	203.610.400.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	24.995.573	249.955.730.000	20.361.040	203.610.400.000
Cổ phiếu ngân quỹ	(1)	(16.000)	(221.061)	(3.544.746.277)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.995.572	249.955.714.000	20.139.979	200.065.653.723

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	31/12/2009		31/12/2008	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	20.139.979	200.065.653.723	14.676.170	145.932.487.500
Cổ phiếu phát hành trong năm	4.634.533	46.345.330.000	5.487.630	54.876.300.000
Cổ phiếu ngân quỹ mua trong năm	-	-	(23.821)	(743.133.777)
Cổ phiếu ngân quỹ phát hành lại trong năm	221.060	3.544.730.277	-	-
Số dư cuối năm	24.995.572	249.955.714.000	20.139.979	200.065.653.723

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm**  
**2009 (tiếp theo)**

Tháng 8 năm 2009, Công ty phát hành lại cổ phiếu ngân quỹ thu về 8.642.952.000 VNĐ, với số tiền vượt trên mệnh giá là 5.098.221.723 VNĐ. Khoản này được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

Tháng 10 năm 2009, Công ty đã phát hành 4.634.533 cổ phiếu cho các cổ đông cũ và mới. Khoản thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá là 131.090.336.580 VNĐ được ghi nhận là phần thặng dư vốn cổ phần trong phần vốn chủ sở hữu.

**22. Lợi ích cổ đông thiểu số**

	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>2008</b> <b>VNĐ</b>
Số dư đầu năm	79.466.426.625	45.650.892.992
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông thiểu số trong năm	27.988.729.031	15.339.311.289
Vốn góp trong năm	5.845.950.000	26.720.880.000
Cổ tức	(5.446.221.852)	(7.986.948.355)
Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi phân bổ cho cổ đông thiểu số	(851.885.588)	(257.709.301)
Chênh lệch tỷ giá	(701.159.774)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	106.301.838.442	79.466.426.625

**23. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>2008</b> <b>VNĐ</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	2.876.534.520.785	1.926.804.323.326
▪ Dịch vụ	140.785.619.923	131.869.781.468
▪ Dịch vụ bất động sản đầu tư	76.121.460.304	61.982.362.003
	<hr/>	<hr/>
	3.093.441.601.012	2.120.656.466.797
Các khoản giảm trừ	(14.412.563.909)	(3.033.181.060)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	3.079.029.037.103	2.117.623.285.737

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm**  
**2009 (tiếp theo)**

**24. Giá vốn hàng bán**

	<b>2009</b> <b>VND</b>	<b>2008</b> <b>VND</b>
Hàng hóa đã bán	2.703.288.808.377	1.826.338.329.622
Dịch vụ cung cấp	113.738.507.559	98.607.936.063
Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư	3.152.630.863	3.548.914.146
Giá vốn bất động sản đầu tư	1.450.977.100	14.707.156.896
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	632.051.833	1.924.541.167
	<hr/>	<hr/>
	2.822.262.975.732	1.945.126.877.894
	<hr/>	<hr/>

**25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2009</b> <b>VND</b>	<b>2008</b> <b>VND</b>
Thu nhập lãi tiền gửi	2.189.982.234	4.976.197.668
Thu từ thanh lý các khoản đầu tư	-	11.952.379.601
Lãi từ thanh lý đầu tư ngắn hạn	10.135.681.200	10.044.079.470
Cổ tức	15.135.860.459	49.987.779.729
Lãi chênh lệch tỷ giá	318.664.516	526.732.748
Doanh thu khác	18.323.995	392.782
	<hr/>	<hr/>
	27.798.512.404	77.487.561.998
	<hr/>	<hr/>

**26. Chi phí hoạt động tài chính**

	<b>2009</b> <b>VND</b>	<b>2008</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay ngân hàng	33.031.246.098	63.319.911.776
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	36.789.157.821	16.621.492.448
Chi phí kinh doanh chứng khoán	484.394.542	211.916.819
Lỗ chênh lệch tỷ giá	244.182.776	1.234.769.205
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn	-	121.103.928.587
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn	(44.612.281.895)	-
Chi phí khác	-	9.798.261
	<hr/>	<hr/>
	25.936.699.342	202.501.817.096
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm**  
**2009 (tiếp theo)**

**27. Thu nhập khác**

	<b>2009</b> <b>VND</b>	<b>2008</b> <b>VND</b>
Thu từ thanh lý tài sản	3.948.954.697	3.024.486.813
Thu hoa hồng từ các đơn vị khác	276.021.026	164.391.681
Nhận bồi thường từ các đơn vị khác	4.723.445.966	5.942.240.239
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	1.175.373.920	1.063.766.877
Thu nhập từ thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	6.715.939.197
Thu nhập khác	4.883.037.149	103.007.295.927
	<hr/> 15.006.832.758	<hr/> 120.415.490.010

**28. Chi phí khác**

	<b>2009</b> <b>VND</b>	<b>2008</b> <b>VND</b>
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	10.261.013.718	1.745.403.969
Giá trị còn lại của tài sản xóa sổ	382.402.038	3.398.608.732
Các chi phí khác	729.205.952	703.976.572
	<hr/> 11.372.621.708	<hr/> 5.847.989.273

**29. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong bảng cân đối kế toán**

	<b>31/12/2009</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2008</b> <b>VND</b>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Dự phòng	4.745.384	13.125.435.845
Dự phòng phải thu khó đòi	-	22.050.524
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	42.000.000
Chi phí trích trước	935.254.115	29.352.525
Giá trị của các khoản lỗ mang sang được ghi nhận	10.343.542.460	-
	<hr/> 11.283.541.959	<hr/> 13.218.838.894

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm**  
**2009 (tiếp theo)**

**(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>2008</b> <b>VNĐ</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	22.897.602.866	21.143.222.547
Dự phòng thiếu trong những năm trước	942.480.732	-
	<hr/> 23.840.083.598	<hr/> 21.143.222.547
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế hoãn lại</b>		
Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	(766.557.349)	(16.452.728.916)
Xóa sổ tài sản thuế hoãn lại	6.310.518.697	1.882.894.085
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	6.734.878.047	-
Lỗi tính thuế mang sang được ghi nhận	(10.343.542.460)	-
	<hr/> 1.935.296.935	<hr/> (14.569.834.831)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<hr/> 25.775.380.533	<hr/> 6.573.387.716

**(c) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>2008</b> <b>VNĐ</b>
Lợi nhuận trước thuế	125.649.561.552	61.865.863.816
Thuế theo thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty	31.223.634.686	17.322.441.868
Ảnh hưởng thuế của chi phí không khấu trừ thuế	2.194.173.005	1.730.171.654
Ảnh hưởng thuế của thu nhập không chịu thuế	(4.290.189.552)	(12.251.965.093)
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(8.403.790.776)	(4.451.130.061)
Ảnh hưởng của thuế suất thấp của các công ty con	-	(727.187.384)
Ảnh hưởng của chênh lệch thuế suất trên thu nhập khác	-	799.485.914
Thuế hoãn lại không ghi nhận tại các công ty con	2.790.364.084	2.436.715.305
Xóa sổ tài sản thuế hoãn lại	6.310.518.697	1.882.894.085
Lỗi tính thuế được sử dụng	(128.638.903)	(168.038.572)
Ảnh hưởng của lỗi chưa thực hiện từ công ty con	(4.863.171.440)	-
Dự phòng thiếu trong năm trước	942.480.732	-
Chi phí thuế thu nhập	<hr/> 25.775.380.533	<hr/> 6.573.387.716

Tài sản thuế hoãn lại không được một số công ty con ghi nhận trên số lỗi tính thuế vì các công ty con này không chắc chắn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng lợi ích của các khoản lỗi tính thuế này.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm**  
**2009 (tiếp theo)**

**(d) Thuế suất áp dụng**

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất phổ biến được áp dụng cho các doanh nghiệp tại Việt Nam, hiện nay bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập trong năm 2005 và năm 2006 và được giảm 50% thuế thu nhập cho năm tiếp theo (từ năm 2007 đến 2011).

Theo Thông tư 03/2009/TT-BTC, Công ty được giảm 30% nợ thuế thu nhập trong quý tư năm 2008 và cả năm 2009.

**30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 dựa trên số lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được thực hiện như sau:

	<b>2009</b>	<b>2008</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Lợi nhuận thuộc các cổ đông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	71.885.451.988	39.953.164.811

**Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông**

	<b>2009</b>	<b>2008</b>
	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>Số lượng cổ phiếu</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	20.139.979	14.676.170
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành tháng 5 năm 2007	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 5 năm 2008	-	(1.133)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành tháng 5 năm 2008	-	3.201.118
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 6 năm 2008	-	(1.119)
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 8 năm 2008	-	(452)
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 9 năm 2008	-	(853)
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 10 năm 2008	-	(1.553)
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 11 năm 2008	-	(463)
Ảnh hưởng của cổ phiếu bán ra tháng 8 năm 2009	73.687	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành tháng 10 năm 2009	772.422	-
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối năm	20.986.088	17.871.715

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

**31. Cổ tức**

Đại hội cổ đông của Công ty ngày 15 tháng 4 năm 2009 đã quyết định chia cổ tức là 16.112 triệu VNĐ (8% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 20 tháng 5 năm 2009, là ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức).



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm**  
**2009 (tiếp theo)**

Hội đồng quản trị họp ngày 25 tháng 12 năm 2009 đã quyết định chia cổ tức là 12.498 triệu VNĐ (5% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 15 tháng 1 năm 2010, là ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức).

**32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

**Xác định các bên liên quan**

Tập đoàn có mối quan hệ liên quan với các cổ đông lớn, các công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt. Tập đoàn có các công ty con sau:

<b>Các công ty con</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Giấy phép đầu tư số</b>	<b>% sở hữu</b>
Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD)	Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu FORD. Mua bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 4102001544 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 3 năm 2003, điều chỉnh ngày 22 tháng 10 năm 2003 và 26 tháng 4 năm 2005.	52,05%
Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu TOYOTA. Mua bán và cung cấp phụ tùng thiết bị ô tô, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô.	Giấy phép Đầu tư số 14/GP-HN do Ủy ban Nhân dân Hà Nội cấp ngày 22 tháng 1 năm 1998.	51%
Công ty TNHH Đông Đô Thành (GM DAEWOO)	Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu GM-Daewoo. Mua bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô.	Giấy phép Đầu tư số 4102014294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 3 năm 2003 và ngày 22 tháng 10 năm 2003.	55%
Công ty TNHH Dịch vụ và Bán lẻ tự động Savico (SAVICO - R Co., Ltd)	Kinh doanh động cơ điện, máy bán hàng tự động, phụ tùng, bán và cho thuê máy bán hàng tự động, tư vấn, vận tải nội địa, bưu chính và viễn thông, quảng cáo cho các doanh nghiệp, và dịch vụ cho thuê văn phòng.	Giấy phép Đầu tư số 4102034948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2005 và được điều chỉnh ngày 19 tháng 1 năm 2006, và ngày 12 tháng 10 năm 2007.	99%
Công ty Cổ phần Ô tô Thành phố (HYUNDAI)	Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu HYUNDAI. Mua, bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 0309553786 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 11 năm 2009	51%
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ)	Chuyên cung cấp xe gắn máy thương hiệu YAMAHA. Mua bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì, sửa chữa xe gắn máy.	Giấy phép Kinh doanh số 5702001169 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Cần Thơ cấp ngày 11 tháng 8 năm 2006.	93,33 %

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm**  
**2009 (tiếp theo)**

Các công ty con	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư số	% sở hữu
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Chuyên cung cấp xe gắn máy thương hiệu SUZUKI. Mua bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì, sửa chữa xe gắn máy.	Giấy phép Kinh doanh số 4103007242 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2007 và điều chỉnh ngày 28 tháng 5 năm 2008	55%
Công ty TNHH TMDV Sài Gòn Viễn Đông	Chuyên cung cấp xe gắn máy thương hiệu HONDA. Mua bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì, sửa chữa xe gắn máy.	Giấy phép Kinh doanh số 4102055390 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007	55%
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn; xây dựng dân sự, dự án công nghiệp, đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và bảo trì xe hơi, cho thuê máy, dịch vụ vận chuyển và đậu xe.	Giấy phép Kinh doanh số 0103018056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 19 tháng 6 năm 2007 và ngày 12 tháng 9 năm 2007	70%
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu TOYOTA. Mua bán và cung cấp phụ tùng thiết bị ô tô, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô.	Giấy phép Đầu tư số 571022000005 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ cấp ngày 18 tháng 4 năm 2007	51%

**Giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt**

Lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt như sau:

	2009 VND	2008 VND
Hội đồng quản trị	2.101.842.000	1.655.309.224
Cán bộ điều hành	953.000.000	731.580.512
Ban kiểm soát	92.000.000	72.000.000
	<hr/>	<hr/>
	3.146.842.000	2.458.889.736

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm**  
**2009 (tiếp theo)**

**Giao dịch với bên liên quan khác**

Trong năm có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>2009 VND</b>	<b>2008 VND</b>
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	Công ty liên kết	Cổ tức nhận từ công ty liên kết	1.371.240.000	7.159.696.800
		Mua hàng của công ty liên kết	922.307.388	-
		Bán hàng cho công ty liên kết	132.484.000	-
Công ty TNHH Comfort Delgro Savico Taxi Company	Công ty liên kết	Tiền thuê thu từ công ty liên kết	2.184.202.774	1.828.939.872
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bến Thành Savico	Công ty liên kết	Cổ tức nhận từ công ty liên kết	448.000.000	224.000.000
		Hoa hồng nhận từ công ty liên kết	1.652.773.650	494.919.500
Công ty Cổ phần Dana	Công ty liên kết	Cổ tức nhận từ công ty liên kết	1.819.647.182	838.800.110
Công ty TNHH Savico – Vinaland	Công ty liên kết	Phí tư vấn trả cho công ty liên kết	3.156.603.624	-

**33. Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>2009 VND</b>	<b>2008 VND</b>
Trong vòng một năm	20.570.129.788	16.684.840.576
Từ hai đến năm năm	36.543.158.353	41.592.887.366
Sau năm năm	67.253.419.236	69.299.673.021
	<b>124.366.707.377</b>	<b>127.577.400.963</b>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm**  
**2009 (tiếp theo)**

**34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2009</b>	<b>2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí mua hàng hóa	1.697.200.811.330	1.305.481.924.298
Chi phí nhân công và nhân viên văn phòng	79.003.405.186	55.878.448.347
Chi phí khấu hao và phân bổ	9.365.982.781	9.091.544.733
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.407.639.642	55.169.682.493
Chi phí khác	20.289.730.576	12.624.588.292

Người lập:  Người duyệt: 



Hoàng Thị Thảo  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Vinh Thọ  
 Tổng Giám đốc

18 tháng 3 năm 2010

